**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN TÂN T**
**TỈNH LONG A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HS-ST
Ngày: 14-02-2022

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T – TỈNH LONG A**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Ngọc A

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Vũ Văn Q

Bà Dương Thị Bích T

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Hiếu L – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân T

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T tham gia phiên tòa***: Ông Lê Văn H – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân T, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2021/HSST ngày 26 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2022 đối với các bị cáo:

**1. Cao Hồng Tg**, sinh năm 1988; Nơi sinh: huyện Tân T, tỉnh Long A; Nơi cư trú: Ấp Trương Công Ý, xã Tân L, huyện Tân T, tỉnh Long A; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch:Việt Nam; Con ông Cao Văn Tn và bà Vũ Thị D; Vợ: Nguyễn Thị Thúy Y, sinh năm 1992; Con: có 02 con sinh năm 2012 và năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/10/2021 cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

**2. Đặng Hữu Tr**, sinh ngày 05/02/2003; Nơi sinh: huyện Tân T, tỉnh Long A; Nơi cư trú: Ấp Kênh T, xã Tân N, huyện Tân T, tỉnh Long A; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn H và bà Ngô Thị Hồng S; Bản thân

chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 05/7/2021 đến ngày 14/7/2021 chuyển tạm giam cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm: 1969. Nơi cư trú: Ấp Trương Công Ý, xã Tân L, huyện Tân T, tỉnh Long A (có mặt).

+ Bà Ngô Thị Hồng S, sinh năm: 1976. Nơi cư trú: Ấp Kênh T, xã Tân N, huyện Tân T, tỉnh Long A (có mặt).

+ Anh Nguyễn Công T, sinh năm: 1988. Nơi cư trú: Ấp Kênh T, xã Tân N, huyện Tân T, tỉnh Long A (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng:

+ Anh Cao Tấn P (Ty), sinh năm: 1992; Nơi cư trú: Ấp Trương Công Ý, xã Tân L, huyện Tân T, tỉnh Long A (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1987; Nơi cư trú: Ấp Trương Công Ý, xã Tân L, huyện Tân T, tỉnh Long A (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Hữu Tr và Cao Hồng Tg quen biết với nhau từ trước và đã nhiều lần sử dụng ma túy chung. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 04/7/2021, Đặng Hữu Tr gặp Cao Hồng Tg tại tuyến kênh 1000, thuộc xã Tân L, huyện Tân T, tỉnh Long A, Tg rủ Tr hùn tiền mua ma túy đá về sử dụng, Tr đồng ý. Đến khoảng 17 giờ 50 phút cùng ngày, Tg điện thoại hẹn gặp Tr tại quán nước của chị Nguyễn Thị N trên đường liên xã gần cầu Bằng L, thuộc ấp Trương Công Ý, xã Tân L, huyện Tân T, tỉnh Long A để uống cà phê, Tr đồng ý. Tr điều khiển xe mô tô biển số 67T1- 1506 chở Cao Tấn P đến quán nước như đã hẹn với Tg. Tg điều khiển xe mô tô đi một mình đến sau. Tại quán, Tg rủ Tr hùn tiền mua ma túy đá về sử dụng. Tg lấy ra 400.000 đồng và kêu Tr hùn thêm 200.000 đồng để đặt mua 600.000 đồng ma túy về sử dụng chung, Tr đồng ý. Tg sử dụng điện thoại di động (ĐTDĐ) hiệu NOKIA, màu đen, gắn sim số 0368.492.192 liên lạc với người nam thanh niên tên Tý (không rõ nhân thân, lai lịch) ở xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái B, tỉnh Tiền G để hỏi mua ma túy đá với số tiền 600.000 đồng, Tý đồng ý bán và hẹn địa điểm giao ma túy tại khu vực gần cầu Hai Hạt, thuộc ấp Kênh Đ, xã Tân N, huyện Tân T, tỉnh Long A, giáp ranh với tỉnh Tiền

G. Do không có tiền nên Tr hỏi mượn tiền P, P nói không có tiền nên Tr chạy đi đến mượn tiền của bà Nguyễn Thị Ngọc B được 250.000 đồng. Tr đổ xăng vào xe hết 50.000 đồng, còn lại 200.000 đồng, Tr quay lại quán nước gặp Tg và hùn tiền 200.000 đồng để mua ma túy về sử dụng chung. Sau đó, do Tg bận công việc nên Tg kêu Tr đi ra cầu Hai Hạt nhận ma túy mà Tg đặt trước đó, đồng thời Tg đưa ĐTDĐ hiệu NOKIA, màu đen, gắn sim số 0368.492.192 của Tg cho Tr liên lạc với tên Tý để nhận ma túy. Tr đưa Tg mượn lại ĐTDĐ hiệu OPPO A12, màu đen, gắn sim số 0364.991.231 của Tr để Tg chơi game, lên mạng. Tg dặn Tr khi nào mua được ma túy thì điện thoại cho Tg xuống Kênh 1000, thuộc ấp Trương Công Ý, xã Tân L, huyện Tân T, tỉnh Long A để cùng nhau sử dụng ma túy. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, Tr điều khiển xe mô tô nhãn hiệu WAYEC, màu sơn đỏ - đen, biển số 67T1- 1506 đến cầu Hai Hạt, thuộc ấp Kênh Đ, xã Tân N, huyện Tân T, tỉnh Long A. Tại đây đang có chốt kiểm dịch Covid-19 không cho ai chạy xe qua cầu nên Tr dừng xe mô tô và đi bộ qua cầu Hai Hạt gặp một người thanh niên, đeo khẩu trang (không rõ nhân thân, lai lịch) giao ma túy cho Tr được bỏ trong vỏ gói thuốc lá hiệu Jet, Tr nhận ma túy và đưa cho người thanh niên này 600.000 đồng. Sau đó, Tr bỏ vỏ gói thuốc lá hiệu Jet bên trong có chứa ma túy vào túi quần đang mặc và đi bộ qua cầu quay lại chỗ đậu xe mô tô thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang.

Tại Kết luận giám định số 628/2021/KLGĐ ngày 09/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long A. Kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 02 gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng: 0,4363 gam. Mẫu còn lại sau khi giám định có khối lượng: 0,3166 gam.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội.

Tại bản cáo trạng số: 32/CT-VKSTT, ngày 26/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T truy tố bị cáo Cao Hồng Tg và Đặng Hữu Tr về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo đồng thời phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi vi phạm pháp luật mà các bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điều 50, 17, 58, 38 Bộ luật Hình sự; Đề nghị xử phạt: bị cáo Cao Hồng Tg từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù; xử phạt bị cáo Đặng Hữu Tr từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù .

Vật chứng trong vụ án: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 45, 47 Bộ luật hình sự.

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 02 gói nylon được hàn kín dính vào nhau, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng, dạng rắn, là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng còn lại sau khi giám định 0,3166 gam, được đóng gói niêm phong.

- 01 vỏ bao thuốc lá màu trắng, hiệu JET.

- Đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 ĐTDĐ nhãn hiệu NOKIA, màu đen, bàn phím bấm số, gắn sim số: 0368.492.192, số Seri 1: 355812092211431, Seri 2: 355813092211439 của Cao Hồng Tg sử dụng liên lạc mua ma túy.

- Đề nghị hoàn trả vật chứng gồm:

+ Hoàn trả cho bị cáo Đặng Hữu Tr: số tiền 27.000đ (Hai mươi bảy nghìn đồng).

+ Hoàn trả cho bà Ngô Thị Hồng S 01 xe mô tô nhãn hiệu WAYEC, màu sơn đỏ - đen, biển số: 67T1- 1506, số máy: 661929, số khung: 661929.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt do hoàn cảnh gia đình khó khăn, đối với bị cáo Thắng còn nuôi hai con chưa thành niên, các bị cáo hứa sau này không tiếp tục vi phạm pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều phù hợp quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Cao Hồng Tg, Đặng Hữu Tr khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Có đủ cơ sở xác định được: các bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi dân

sự, các bị cáo biết hành vi mua bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép chất ma túy là trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Hai bị cáo đã góp tiền mua ma túy về nhằm mục đích sử dụng chung nhưng chưa kịp sử dụng thì bị bắt quả tang. Số ma túy đá thu giữ được trong túi quần của Tr sau khi mua về có khối lượng: 0,4363 gam, khối lượng sau giám định là 0,3166 gam. Do đó, hành vi của các bị cáo đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long A truy tố các bị cáo với tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, tại thời điểm tháng 7/2021, trên địa bàn huyện Tân T áp dụng chỉ thị của Thủ tướng chính phủ, thực hiện giãn cách xã hội để phòng, chống dịch bệnh Covid-19 nhưng các bị cáo vẫn bất chấp quy định, vẫn tìm cách để mua ma túy về nhằm sử dụng trái phép, khi đang tàng trữ chưa sử dụng thì bị bắt quả tang. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma tuý. Việc sử dụng ma túy là một trong các tác nhân gây ra các tệ nạn xã hội, gây mất trật tự an toàn xã hội. Do đó, cần thiết xử lý các bị cáo bằng một hình phạt thoả đáng mới có thể giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo, thấy rằng bị cáo Tg là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Tr mua ma túy về sử dụng chung và đã bỏ ra số tiền 400.000đồng, Tg là người điện thoại cho người bán túy để đặt mua ma túy nên vừa là người khởi xướng, vừa là người thực hành. Bị cáo Tr cũng đã góp tiền 200.000đồng để mua ma túy và là người đi nhận ma túy từ người bán, mặc dù bị chốt kiểm dịch chặn không cho lưu thông nhưng bị cáo Tr vẫn tìm cách đi nhận ma túy nên có vai trò là người thực hành.

[5] Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ, không có kế hoạch cụ thể và phân công nhiệm vụ cụ thể từng bị cáo. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo không thuộc trường hợp đồng phạm có tổ chức theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Bộ Luật hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

[6.1] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6.2] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự:

Bị cáo Cao Hồng Tg và Đặng Hữu Tr thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bên cạnh đó, thấy rằng các bị cáo xuất thân từ thành phần nhân dân lao động, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. Do đó, các bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng trong quá trình điều tra đã khai nhận nhiều lần sử dụng trái phép chất ma túy, trước khi bị bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy các bị cáo có sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, Cơ quan điều tra đã tiến hành cho các bị cáo xét nghiệm và kết quả dương tính với chất ma túy Methamphetamine. Đến ngày 04/7/2021 bị cáo Tr bị xử phạt hành chính, 07/11/2021 bị cáo Tg bị xử phạt vi phạm hành chính mỗi người 750.000đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định số 167/2013/NĐ- CP ngày 12/11/2013. Vì vậy, xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có thể giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Từ những phân tích trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: đối với tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", các bị cáo còn có thể bị phạt tiền theo khoản 5 điều 249 BLHS. Tuy nhiên, xét thấy hiện hoàn cảnh kinh tế gia đình các bị cáo có khó khăn, cả hai bị cáo đều có nghề nghiệp làm thuê, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Đối với người thanh niên tên Tý (không rõ nhân thân, lai lịch), ở xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái B, tỉnh Tiền G mà Tg khai liên hệ hỏi mua ma túy, sau đó có người thanh niên đeo khẩu trang (không rõ nhân thân, lai lịch) đến địa điểm đã hẹn giao ma túy cho Tr. Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân T không có cơ sở xác định nhân thân, lai lịch của hai người này nên không có cơ sở để xử lý.

[10] Đối với Cao Tấn P có nghe Tg rủ Tr hùn tiền mua ma túy về sử dụng nhưng P không có tham gia, P không biết Tg, Tr mua ma túy của ai, ở đâu, số lượng bao nhiêu, việc mua bán cụ thể như thế nào, giao nhận ra sao nên không đủ yếu tố cấu thành tội "Không tố giác tội phạm" theo Điều 390 Bộ luật Hình sự.

Đối với bà Nguyễn Thị Ngọc B vào ngày 04/7/2021, có cho bị can Tr mượn 250.000 đồng, nhưng bà B không biết Tr mượn tiền để mua ma túy sử dụng nên Cơ quan CSĐT Công An huyện Tân T không xem xét xử lý là phù hợp.

Đối với bà Ngô Thị Hồng S, là mẹ của Tr, bà S mua xe mô tô hiệu WAYEC biển số 67T1- 1506 và cho Tr mượn làm phương tiện đi lại, không có cho Tr làm tài sản riêng. Việc Tr sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện đi mua ma túy bà S không biết nên không có cơ sở xử lý trách nhiệm đối với bà S.

Đối với anh Nguyễn Công T, anh T đã cho bị cáo Tg điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, bàn phím bấm số, số Seri 1: 355812092211431, Seri 2: 355813092211439. Anh T không còn quản lý đối với điện thoại di động trên. Khi anh T cho điện thoại không có cho sim. Tg gắn sim vào điện thoại và sử dụng ĐTDĐ trên làm phương tiện để liên lạc mua ma túy, anh T không biết nên không xử lý trách nhiệm là phù hợp.

[11] Về vật chứng: căn cứ quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 45, 47 Bộ luật hình sự, xử lý vật chứng như sau:

[11.1] Đối với xe mô tô biển số 67T1- 1506, bà S là người trả tiền mua xe và bà chỉ cho Tr mượn sử dụng, bà không biết Tr sử dụng làm phương tiện đi mua và tàng trữ trái phép ma túy nên cần giao trả xe mô tô trên cho bà S.

[11.2] Đối với số ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng sau khi giám định 0,3166 gam, được đóng gói niêm phong và một vỏ gói thuốc hiệu Jet cần tịch thu tiêu hủy.

[11.3] Đối với 01 ĐTDĐ nhãn hiệu NOKIA, màu đen, bàn phím bấm số, gắn sim số: 0368.492.192, số Seri 1: 355812092211431, Seri 2: 355813092211439, bị cáo Tg sử dụng ĐTDĐ trên làm phương tiện để liên lạc để mua ma túy nên cần tịch thu sung ngân sách.

[11.4] Tiền Việt Nam 27.000 đồng của bị cáo Tr không sử dụng vào việc phạm tội nên cần giao trả lại cho Tr.

[12] Về án phí: Các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Cao Hồng Tg và Đặng Hữu Tr phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt:

Bị cáo Cao Hồng Tg 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Bị cáo Đặng Hữu Tr 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 05/7/2021).

3. Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam bị cáo Đặng Hữu Tr 45 ngày kể từ ngày tuyên án (14/02/2021) để đảm bảo thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 45, 47 Bộ luật hình sự;

4.1. Tịch thu tiêu hủy:

- Chất tinh thể màu trắng là ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng 0,3166 gam, được đóng gói niêm phong và một vỏ gói thuốc hiệu Jet;

4.2. Tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước: 01 ĐTDĐ nhãn hiệu NOKIA, màu đen, bàn phím bấm số, gắn sim số: 0368.492.192, số Seri 1: 355812092211431, Seri 2: 355813092211439.

4.3. Hoàn trả cho bị cáo Đặng Hữu Tr số tiền 27.000đ (Hai mươi bảy nghìn đồng).

4.4. Hoàn trả cho bà Ngô Thị Hồng S, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: 01 xe mô tô nhãn hiệu WAYEC, màu sơn đỏ - đen, biển số: 67T1- 1506.

Hiện tất cả vật chứng trên Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân T đang tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 29/QĐ-VKSTT, ngày 26/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Cao Hồng Tg, Đặng Hữu Tr mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các điều 331, 333 Bộ Luật tố tụng hình sự;

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi,

nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
*-TAND tỉnh Long A;*
*- VKSND tỉnh Long A;*
*- Sở tư pháp tỉnh Long A*
*- VKSND huyện Tân T;*
*- CA huyện Tân T;*
*- Chi cục THADS huyện Tân T;*
*- Bị cáo;Đương sự;*
*- Lưu hồ sơ*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Ngọc A**